ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 27 /2023/QĐ-UBND	*Quảng Trị, ngày 20 tháng 11 năm 2023*

SỞ TƯ PHÁP TỈNH QUẢNG TRỊ
ĐẾN Số: 22/11/23
Chuyển:

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Công văn số 356/HĐND-KTNS ngày 15/11/2023 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh V/v cho ý kiến về sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh và của Sở Tài chính tại Tờ trình số 2199/TTr-STC ngày 21/6/2023 và Công văn số 27771/STC-QLG&CS ngày 01/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 của Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Quảng Trị:

"Điều 4. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị gồm:

1. Phụ lục I: Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Phụ lục II: Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ quan, đơn vị thuộc Văn phòng UBND tỉnh.

3. Phụ lục III: Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại Sở Tài chính.

4. Phụ lục IV: Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại Sở Y tế.

5. Phụ lục V: Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại Sở Giáo dục và Đào tạo.

6. Phụ lục VI: Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ quan, đơn vị thuộc Sở Thông tin và Truyền thông.

7. Phụ lục VII: Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ quan, đơn vị thuộc Sở Ngoại vụ.

8. Phụ lục VIII: Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ quan, đơn vị thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

9. Phụ lục IX: Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại Sở Giao thông vận tải.

10. Phụ lục X: Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ quan, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

11. Phụ lục XI: Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ quan, đơn vị thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

12. Phụ lục XII: Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ quan, đơn vị thuộc Sở Xây dựng.

13. Phụ lục XIII: Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ quan, đơn vị thuộc Sở Khoa học và Công nghệ.

14. Phụ lục XIV: Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại Thanh tra tỉnh.

15. Phụ lục XV: Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh.

16. Phụ lục XVI: Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh.

17. Phụ lục XVII: Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại Báo Quảng Trị.

18. Phụ lục XVIII: Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện, cấp xã."

Điều 2. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện:

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/12/2023.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có tên tại Điều 1 và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT/HĐND tỉnh (B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TCTM.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Võ Văn Hưng

Phụ lục I

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG TẠI VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 27 /2023/QĐ-UBND ngày 20 / 11 /2023 của UBND tỉnh Quảng Trị)

STT	Chủng loại / Tên cơ quan, đơn vị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
1	Hệ thống biểu quyết không dây (bao gồm nút bấm biểu quyết và các thiết bị đi kèm vận hành hệ thống)	Hệ thống	1

Phụ lục II

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC VĂN PHÒNG UBND TỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 27 /2023/QĐ-UBND ngày 20 / 11/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị)

STT	Tên cơ quan, đơn vị / Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
I	**Văn phòng UBND tỉnh (bao gồm Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)**		
1	Máy bấm số tự động	Cái	13
2	Máy LED hiển thị số tự động	Cái	2
II	**Cổng Thông tin điện tử tỉnh**		
1	Máy quay phim (bao gồm chân máy)	Máy	2
2	Bộ flycam	Bộ	1
3	Máy tính dựng phim và đồ họa cấu hình cao	Bộ	2
4	Thiết bị thu âm	Bộ	1
5	Máy ảnh 360 độ	Máy	1
6	Máy tính bảng cấu hình cao	Máy	3
7	Thiết bị cắt lọc sét 3 pha	Bộ	1
8	Thiết bị Lưu trữ dữ liệu Backup SAN	Cái	2
9	Bộ lưu điện UPS	Bộ	3
10	Máy chủ lưu trữ dữ liệu (server)	Cái	35
11	Thiết bị bức tường lửa lớp mạng FireWall	Cái	3
12	Máy điều hòa công suất lớn (dùng cho phòng thiết bị)	Cái	4
13	Thiết bị giám sát mạng	Máy	2

Phụ lục III

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG TẠI SỞ TÀI CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 27 /2023/QĐ-UBND ngày 20 / 11 /2023 của UBND tỉnh Quảng Trị)

STT	Tên cơ quan, đơn vị / Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
1	Máy tính bảng (có cấu hình cao)	Cái	4
2	Máy in A3	Cái	2
3	Máy scan 02 mặt	Cái	3
4	Hệ thống màn hình LED	Hệ thống	1
5	Hệ thống máy chủ và mạng nội bộ	Hệ thống	1

Phụ lục IV

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG TẠI SỞ Y TẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 27 /2023/QĐ-UBND ngày 20 / 11 /2023 của UBND tỉnh Quảng Trị)

STT	Tên cơ quan, đơn vị / Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
	Văn phòng Sở		
1	Máy quay phim	Bộ	1

Phụ lục V

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG TẠI SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 27 /2023/QĐ-UBND ngày 20 / 11 /2023 của UBND tỉnh Quảng Trị)

STT	Tên cơ quan, đơn vị / Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
	Văn phòng Sở		
1	Máy quay phim	Bộ	2
2	Máy tính để bàn có cấu hình cao	Bộ	3
3	Máy tính xách tay có cấu hình cao	Cái	2
4	Máy chủ lưu trữ dữ liệu (server)	Bộ	2
5	Máy in 02 mặt	Cái	6
6	Máy in màu	Cái	2
7	Máy photocopy siêu tốc	Cái	3
8	Máy Scan tốc độ cao	Cái	3

Phụ lục VI

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 27 /2023/QĐ-UBND ngày 20 / 11 /2023 của UBND tỉnh Quảng Trị)

STT	Chủng loại / Tên cơ quan, đơn vị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
I	**Văn phòng Sở**		
1	Máy đo điện trở đất	Cái	1
2	Máy đo tín hiệu đường truyền Internet	Cái	1
3	Thiết bị định vị GPS	Cái	1
4	Máy quay phim	Cái	3
5	Máy đo tín hiệu tần số mặt đất	Cái	1
6	Thiết bị đo và quét tần số	Cái	1
7	Thiết bị đo cường độ điện, từ trường	Cái	1
8	Máy đo quang	Cái	1
9	Máy vi tính xách tay (có cấu hình cao để cài các phần mềm đặc thù) và phụ kiện kèm theo	Cái	3
10	Thiết bị sao lưu	Cái	3
11	Ampe kìm	Cái	1
12	Thiết bị đo tín hiệu truyền hình cáp	Cái	1
13	Máy phân tích phổ tần số	Cái	1
14	Thiết bị đo sóng di động	Cái	1
15	Máy in màu xách tay	Cái	1
II	**Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông**		
1	Bộ chuyển mạch	Bộ	10
2	Bộ lưu điện máy chủ (UPS)	Bộ	1
3	Thiết bị định tuyến (Router): Static, Dynamic, BGP	Cái	5
4	Thiết bị tường lửa lớp mạng	Cái	2
5	Thiết bị phòng chống và phát hiện xâm nhập (IPS)	Cái	1
6	Hệ thống lưu trữ tập trung SAN	Cái	1
7	Thiết bị chuyển mạch lưu trữ	Cái	1
8	Máy phát điện dự phòng	Máy	1
9	Máy chuyển mạch điện tự động ATS 100A	Máy	1
10	Thiết bị cắt lọc sét 3 pha 30KVA	Cái	1
11	Bộ máy quay phim, chụp ảnh	Bộ	1
12	Điều hoà đứng (dùng cho phòng thiết bị)	Cái	4
13	Máy hút bụi	Cái	1
14	Ổ cắm 32A, chuẩn công nghiệp IP44	Cái	6
15	Hệ thống màn hình Led tra cứu	Cái	4
16	Máy tính xách tay cấu hình cao	Cái	40

Phụ lục VII

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC SỞ NGOẠI VỤ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 27 /2023/QĐ-UBND ngày 20 / 11 /2023 của UBND tỉnh Quảng Trị)

STT	Chủng loại / Tên cơ quan, đơn vị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
I	**Trung tâm Phục vụ đối ngoại tỉnh**		
	Hệ thống thiết bị phiên dịch cabin	Hệ thống	1

STT	Chủng loại / Tên cơ quan, đơn vị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
66	Hệ thống giá treo đèn chuyên dùng cho trường quay	Hệ thống	7
67	Bàn điều khiển ánh sáng cho trường quay	Bộ	14
68	Bộ lưu điện UPS	Bộ	25
69	Bộ ổn áp công suất lớn	Bộ	6
70	Thiết bị đồng bộ và chuyển đổi hình ảnh /âm thanh số - annalog	Bộ	10
71	Hệ thống chuyển mạch VIDEO	Hệ thống	8
72	Hệ thống phát tiếng, hình qua thẻ nhớ, đĩa cứng	Hệ thống	8
73	Hệ thống thu ghi tiếng, hình qua thẻ nhớ, đĩa cứng	Hệ thống	8
74	Bộ tạo xung đồng bộ chuyên dụng	Bộ	6
75	Hệ thống báo cháy xe truyền hình lưu động HD	Bộ	2
76	Hệ thống thùng xe truyền hình lưu động HD	Bộ	1
77	Hệ thống trang thiết bị phục vụ ghi hình truyền hình trực tiếp xe truyền hình lưu động HD	Hệ thống	2
78	Mái che thùng xe THLĐ điều khiển từ xa	Bộ	4
79	Rulo cuốn dây cáp các loại	Bộ	21
80	Hộp đấu nối dây audio	Bộ	8
81	Hộp kết nối thu âm thanh	Bộ	3
82	Mặt khớp nối	Bộ	20
83	Bộ đấu dây 24 ports - 1U Patch Panel	Bộ	20
84	Mát hút ẩm các phòng máy	Bộ	10
85	Thiết bị LIVESTREAM	Bộ	4
86	Tủ ATS chuyển đổi nguồn tự động	Bộ	4
87	Bàn dựng, lắp đặt hệ thống thiết bị chuyên dụng	Bộ	40
88	Hệ thống tủ rack lắp đặt thiết bị chuyên dụng	Hệ thống	30
89	Hệ thống camera giám sát	Hệ thống	4

Phụ lục VIII

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 27 /2023/QĐ-UBND ngày 20 / 11 /2023 của UBND tỉnh Quảng Trị)

STT	Chủng loại / Tên cơ quan, đơn vị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
I	**Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường**		
1	Máy toàn đạc điện tử	Bộ	12
2	Máy định vị GPS cầm tay	Cái	25
3	Máy định vị vệ tinh GPS	Bộ	20
4	Máy in A0	Cái	2
5	Máy in A3	Cái	2
6	Máy scan cấu hình cao	Cái	3
7	Máy tính bảng cấu hình cao	Cái	5
8	Máy trạm xử lý CSDL	Bộ	2
9	Bộ Flycam	Bộ	3
10	Thiết bị bay không người lái UAV	Bộ	1
II	**Văn phòng Đăng ký đất đai (bao gồm cả Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cấp huyện)**		
1	Máy định vị GPS đo cao tần	Bộ	16
2	Máy GPS cầm tay	Cái	25
3	Máy toàn đạc điện tử	Cái	11
4	Máy in A0	Cái	12
5	Máy in A3	Cái	35
6	Máy photocopy tính năng, cấu hình cao	Cái	15
7	Máy vi tính xách tay cấu hình cao	Cái	22
8	Máy scan A3	Cái	12
9	Máy chủ	Bộ	10
10	FireWall	Cái	2
11	Thiết bị lưu trữ Băng từ hoặc storage area network (SAN)	Bộ	2
III	**Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường**		
1	**THIẾT BỊ HIỆN TRƯỜNG**		
	Thiết bị lấy mẫu môi trường không khí và khí thải		
1.1	Máy lấy mẫu khí và bụi khí	Cái	1
1.2	Bơm lấy mẫu không khí SO^2, NO_2, CO lưu lượng 0,5 - 2 lit/phút	Cái	18
1.3	Thiết bị lấy mẫu VOCs lưu lượng 0,05 - 0,5 lit/phút	Cái	4

STT	Chủng loại / Tên cơ quan, đơn vị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
1.4	Thiết bị lấy mẫu khí thải nguồn thải tĩnh	Cái	2
1.5	Thiết bị lấy mẫu bụi (TSP), Bộ tách lọc mẫu bụi PM10, PM2,5	Cái	4
	Thiết bị lấy mẫu môi trường nước		
1.6	Thiết bị lấy mẫu nước theo kiểu Vandorn hoặc kiểu Kammerer (loại ngang)	Cái	2
1.7	Thiết bị lấy mẫu nước theo kiểu Vandorn hoặc kiểu Kammerer (loại dọc)	Cái	2
1.8	Thiết bị lấy mẫu nước thải tự động	Cái	1
1.9	Thiết bị lấy mẫu bùn, trầm tích thông thường (kiểu gầu Ekman)	Cái	3
1.10	Thiết bị lấy mẫu bùn, trầm tích theo tầng sâu (kiểu gầu Van Veem) tời cầm tay	Cái	4
1.11	Bộ lấy mẫu thủy sinh (động vật nổi, thực vật nổi, độc vật đáy)	Bộ	4
	Thiết bị lấy mẫu chất thải rắn và trầm tích		
1.12	Bộ lấy mẫu chất thải rắn	Cái	1
1.13	Khoan lấy mẫu đất	Cái	2
1.14	Cân kỹ thuật 2 số lẽ sử dụng tại hiện trường	Cái	3
	Thiết bị đo nhanh tại hiện trường		
	Môi trường không khí		
1.15	Máy đo độ ồn	Cái	4
1.16	Máy đo rung	Cái	3
1.17	Thiết bị đo cường độ ánh sáng	Cái	3
1.18	Thiết bị đo bức xạ mặt trời	Cái	3
1.19	Thiết bị đo nhiệt độ, độ ẩm, áp suất không khí	Cái	4
1.20	Thiết bị đo tốc độ gió	Cái	4
1.21	Thiết bị đo nhiệt độ, áp suất, lưu tốc khí thải	Cái	2
1.22	Thiết bị đo tia phóng xạ	Cái	2
1.23	Thiết bị đo nhanh cường độ điện từ trường tần số công nghiệp	Cái	2
1.24	Thiết bị đo nhanh cường độ điện từ trường tần số thấp	Cái	2
1.25	Máy đo bụi tổng số dạng điện tử hiện số	Cái	2
1.26	Thiết bị đo độ dẫn điện riêng	Cái	2
1.27	Thiết bị đo liều bức xạ	Cái	1
1.28	Thiết bị đo nhanh khí thải ống khói	Cái	3
1.29	Thiết bị đo nhanh không khí xung quanh	Cái	3
	Môi trường nước		
1.30	Thiết bị đo lưu tốc dòng chảy kênh hở	Cái	2
1.31	Thiết bị đo lưu lượng	Cái	2
1.32	Thiết bị đo nhiệt độ, pH	Cái	4
1.33	Thiết bị đo nhiệt độ, EC, TDS, Salt hiện trường	Cái	20

STT	Chủng loại / Tên cơ quan, đơn vị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
1.34	Thiết bị đo độ mặn liên tục	Cái	10
1.35	Thiết bị đo độ đục hiện trường	Cái	3
1.36	Thiết bị đo DO hiện trường	Cái	4
1.37	Thiết bị đo chất lượng nước đa chỉ tiêu cầm tay	Cái	4
1.38	Thiết bị đo độ trong của nước	Cái	4
1.39	Thiết bị đo clo dư trong nước	Cái	4
1.40	Thiết bị đo khoảng cách	Cái	3
1.41	Máy đo suất liều phóng xạ gamma	Cái	2
1.42	Máy đo suất liều phóng xạ tia X và gamma độ nhạy cao	Cái	1
1.43	Máy đo hoạt độ phóng xạ Gamma	Cái	1
	Thiết bị quan trắc tài nguyên nước		
1.44	Thiết bị đo độ sâu mực nước mặt	Cái	3
1.45	Thiết bị độ sâu mực nước ngầm	Cái	3
1.46	Bơm nước	Cái	2
1.47	Thiết bị đo mặt cắt	Cái	1
	Thiết bị phụ trợ		
1.48	Máy định vị GPS	Cái	8
1.49	Phát phát điện 1,5kW	Cái	3
1.50	Máy tính xách tay cấu hình cao	Cái	4
2	**THIẾT BỊ PHÒNG THÍ NGHIỆM**		
	Thiết bị xử lý mẫu		
2.1	Bếp phá mẫu COD	Cái	3
2.2	Tủ ấm phân tích BOD	Cái	4
2.3	Bộ xác định BOD	Cái	3
2.4	Máy sục khí phân tích BOD	Cái	3
2.5	Bộ lọc hút chân không loại 6 van dùng cho phân tích thông số TSS	Cái	3
2.6	Máy cất nước 2 lần tự động	Cái	2
2.7	Bể điều nhiệt (thể tích 50 lit)	Cái	2
2.8	Bể siêu âm (thể tích 50 lit)	Cái	2
2.9	Thiết bị lọc nước siêu sạch	Cái	1
2.10	Tủ lạnh sâu (nhiệt độ nhỏ nhất -21^{o}C)	Cái	2
2.11	Tủ lạnh bảo quản mẫu sử dụng liên tục	Cái	3
2.12	Bộ cất phenol, Xyanua, Sunfua	Cái	3
2.13	Bộ cô quay chân không	Cái	2
2.14	Bộ chiết soxhet	Cái	2
2.15	Tủ sấy loại to (thể tích 150 lit)	Cái	2
2.16	Máy ly tâm loại dung tích ống 50ml	Cái	3
2.17	Máy khuấy từ gia nhiệt	Cái	3
2.18	Máy lắc đứng	Cái	2
2.19	Máy lắc ngang	Cái	2

STT	Chủng loại \ Tên cơ quan, đơn vị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
2.20	Máy lắc phễu chiết	Cái	2
2.21	Cân phân tích 5 số lẽ	Cái	2
2.22	Cân phân tích 4 số lẽ	Cái	3
2.23	Cân kỹ thuật 2 số lẽ	Cái	3
2.24	Bơm chân không	Cái	3
2.25	Lò nung nhiệt độ max 1200°C	Cái	2
2.26	Tủ hút chân không	Cái	1
2.27	Tủ hút phòng thí nghiệm chịu hoá chất, axit	Cái	4
2.28	Bộ chiết pha rắn 12 vị trí (bao gồm bơm chân không)	Cái	4
2.29	Bộ cô dung môi bằng Nitơ	Cái	1
2.30	Máy sinh khí Nitơ	Cái	2
2.31	Máy sinh khí Hidro	Cái	3
2.32	Máy nghiền mẫu khô	Cái	2
2.33	Bể cách thuỷ	Cái	1
2.34	Máy cất nước 2 lần có tích hợp Bộ trao đổi ion	Cái	2
2.35	Tủ mát bảo quản chất chuẩn	Cái	2
2.36	Cân sấy ẩm	Cái	2
2.37	Máy ly tâm lạnh dung tích ống 50ml	Cái	2
2.38	Máy nghiền ly tâm mẫu đất	Cái	2
2.39	Máy tách ẩm đất	Cái	2
2.40	Bộ pha khí chuẩn	Cái	2
2.41	Bộ cất đạm tự động	Cái	2
2.42	Lò phá mẫu bằng vi sóng	Cái	2
2.43	Hệ thống làm sạch và chuẩn bị mẫu cho phân tích thuốc trừ sâu	Cái	1
2.44	Máy rửa dụng cụ thí nghiệm	Cái	2
2.45	Hệ thống xử lý mẫu cho phân tích nước và nước thải	Cái	2
	Thiết bị phân tích hóa lý		
2.46	Máy đo pH để bàn	Cái	3
2.47	Máy đo conductyvity/TDS/Salityni	Cái	3
2.48	Máy đo DO (Loại để bàn)	Cái	2
2.49	Thiết bị đo DO có cánh khuấy sử dụng cho phân tích BOD	Cái	3
2.50	Thiết bị đo pH, Orp	Cái	2
2.51	Thiết bị đo độ đục	Cái	3
2.52	Thiết bị đo điện hóa đo Florua	Cái	3
2.53	Máy đo phổ cầm tay	Cái	2
2.54	Máy quang phổ tử ngoại khả biến UV - VIS	Cái	4
2.55	Máy quang kế ngọn lửa phân tích Na, K	Cái	1
2.56	Máy phân tích thủy ngân Hg cho mẫu lỏng (có Bộ lấy mẫu tự động)	Cái	1

STT	Chủng loại / Tên cơ quan, đơn vị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
2.57	Máy đo hoạt độ alpha/beta phòng thấp tự động.	Cái	2
2.58	Máy phân tích dòng chảy liên tục	Cái	1
2.59	Thiết bị phân tích đa nguyên tố đồng thời bằng huỳnh quang tia X	Cái	1
2.60	Máy sắc ký lỏng hiệu năng cao HPLC	Cái	1
2.61	Máy sắc ký lỏng khối phổ LC/MS/MS	Cái	1
2.62	Hệ thống sắc ký khí GC-ECD/NPD/FID, Bộ lấy mẫu khí pha hơi headspace	Cái	1
2.63	Máy quang phổ phát xạ nguyên tử (ICP-MS/MS)	Cái	1
2.64	Hệ thống quang phổ hấp thụ nguyên tử AAS đo đồng thời nhiều nguyên tố	Cái	3
2.65	Hệ thống sắc ký ion dùng gel	Cái	1
2.66	Hệ thống sắc ký khí khối phổ 3 tứ cực GC-MS/MS, Bộ giải hấp nhiệt	Cái	1
2.67	Máy phân tích AOX	Cái	1
2.68	Máy xác định hơi Hg trong không khí	Cái	1
2.69	Máy đo hàm lượng dầu mỡ bằng phổ hồng ngoại	Cái	1
2.70	Thiết bị kiểm định nhanh phế thải nhựa bằng XRF	Bộ	1
	Thiết bị phân tích các chỉ tiêu vi sinh và quan trắc đa dạng sinh học		
2.71	Bộ đếm khuẩn lạc	Bộ	3
2.72	Tủ cấy vi sinh	Cái	3
2.73	Tủ ấm	Cái	4
2.74	Nồi hấp tiệt trùng	Cái	4
2.75	Máy đếm khuẩn lạc	Cái	2
2.76	Kính hiển vi	Cái	2
2.77	Máy định tính vi sinh vật	Cái	1
2.78	Máy định lượng vi sinh vật	Cái	1
	Thiết bị phụ trợ		
2.79	Tủ hút khí độc	Cái	4
2.80	Tủ đựng hoá chất	Cái	3
2.81	Thùng bảo quản mẫu	Cái	5
2.82	Máy tính kết nối và điều khiển thiết bị	Cái	8
2.83	Máy tính xách tay cấu hình cao	Cái	3
2.84	Bộ tích điện UPS 20 KW	Cái	3
2.85	Máy phát điện 80KVA	Cái	1
2.86	Bơm nước tăng áp	Cái	2
2.87	Bàn phòng thí nghiệm	Cái	25
2.88	Bàn có bồn/chậu rửa	Cái	10
2.89	Màn hình thể hiện số liệu quan trắc và đặc điểm vị trí quan trắc	Cái	5
2.90	Hệ thống xử lý nước thải	Cái	2
2.91	Hệ thống xử lý khí thải	Cái	2

STT	Chủng loại / Tên cơ quan, đơn vị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
3	**TRẠM QUAN TRẮC TỰ ĐỘNG**		
3.1	Trạm quan trắc môi trường không khí tự động cố định	Trạm	3
3.2	Trạm quan trắc môi trường nước mặt lục địa tự động cố định	Trạm	3
3.3	Trạm quan trắc môi trường nước biển ven bờ tự động cố định	Trạm	3
3.4	Trạm quan trắc môi trường không khí tự động di động	Trạm	2
3.5	Trạm quan trắc môi trường nước tự động di động	Trạm	2
3.6	Hệ thống máy chủ, kèm thiết bị phụ trợ	Hệ thống	2
IV	**Chi cục Bảo vệ Môi trường**		
	Thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu		
1	Phao quây gần bờ	Mét	600
2	Bộ dây kéo phao	Bộ	6
3	Bộ neo cố định phao	Bộ	6
4	Hệ thống cô lập thu hồi dầu trên mặt nước đa năng	Bộ	1
5	Bơm hút dầu/chất bẩn	Bộ	2
6	Thùng chứa dầu/chất bẩn kéo dưới nước	Cái	5
7	Thùng chứa dầu/chất bẩn cơ động đặt trên bờ	Cái	5
8	Phao quây thấm dầu/chất bẩn đặt trên bờ	Mét	400
9	Máy xịt cao áp	Cái	5
	Thiết bị phục vụ công tác lấy mẫu, kiểm tra hiện trường		
10	Thiết bị lấy mẫu nước	Cái	1
11	Máy định vị GPS cầm tay	Cái	1
12	Thiết bị đo lưu lượng kênh hở	Cái	1
13	Bộ thiết bị lấy mẫu nước thải (bao gồm thùng chứa mẫu và tủ bảo quản mẫu)	Bộ	1
14	Máy in xách tay cấu hình cao (gồm các thiết bị đi kèm máy)	Cái	1

Phụ lục IX

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 27 /2023/QĐ-UBND ngày 20 / 11 /2023 của UBND tỉnh Quảng Trị)

STT	Tên cơ quan, đơn vị / Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
	Văn phòng Sở Giao thông vận tải		
1	Máy in thẻ chuyên dùng phục vụ công tác cấp đổi GPLX theo công nghệ mới	Cái	2
2	Máy in phủ chuyên dùng phục vụ công tác cấp đổi GPLX theo công nghệ mới	Cái	2
3	Máy scan 02 mặt	Cái	2
4	Hệ thống cân kiểm tra tải trọng xe	Hệ thống	1
5	Hệ thống cân xách tay kiểm tra tải trọng xe	Hệ thống	2
6	Hệ thống máy chủ	Hệ thống	2

Phụ lục X

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 27 /2023/QĐ-UBND ngày 20 /11 /2023 của UBND tỉnh Quảng Trị)

STT	Tên cơ quan, đơn vị / Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
I	**Chi cục Kiểm lâm**		
1	**Văn phòng Chi cục kiểm lâm**		
1.1	Máy định vị GPS cầm tay	Cái	9
1.2	Bộ Flycam	Bộ	2
1.3	Máy đo chiều cao cây rừng	Cái	3
1.4	Máy quay phim	Cái	1
1.5	Hệ thống loa máy tuyên truyền (amly, mixer, loa, micro)	Bộ	1
1.6	Máy vi tính để bàn cấu hình cao	Bộ	3
1.7	Máy vi tính xách tay cấu hình cao	Bộ	3
1.8	Ống nhòm quan sát cháy rừng ban đêm	Cái	2
1.9	Máy đo độ cao điểm cháy bằng laze	Cái	2
1.10	Nhà bạt di động	Bộ	2
1.11	Máy tính bảng cấu hình cao	Cái	4
1.12	Máy in bản đồ màu, khổ giấy A0	Cái	1
1.13	Máy bẫy ảnh	Cái	15
1.14	Ống nhòm quan sát cháy rừng ban ngày	Cái	2
1.15	Ống nhòm đo khoảng cách	Cái	2
1.16	Máy đo nhanh trữ lượng rừng	Cái	1
1.17	Hệ thống ghi âm, ghi hình có âm thanh	Bộ	1
1.18	Máy in A3	Cái	1
1.19	Máy Scan 2 mặt	Cái	1
1.20	Hệ thống màn hình Led	Hệ thống	1
2	**Các đơn vị trực thuộc (các Hạt Kiểm lâm, Đội Kiểm lâm cơ động và Phòng cháy chữa cháy rừng, Trạm Kiểm lâm thị xã Quảng Trị và Trạm Kiểm lâm thành phố Đông Hà; 11 đơn vị)**		
2.1	Máy định vị GPS cầm tay	Cái	60
2.2	Bộ Flycam	Bộ	20
2.3	Máy bẫy ảnh	Cái	40
2.4	Máy đo chiều cao cây rừng	Cái	20
2.5	Máy quay phim	Cái	11
2.6	Máy cắt thực bì	Cái	39
2.7	Máy cưa xăng	Cái	44
2.8	Bộ máy bơm nước công suất nhỏ gắn trên xe CCR (máy bơm, đầu phun áp lực, dây bơm và các linh kiện kèm theo)	Bộ	38

STT	Chủng loại / Tên cơ quan, đơn vị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
2.9	Bộ máy bơm nước công suất lớn (máy bơm, đầu phun áp lực, dây bơm và các linh kiện kèm theo)	Bộ	17
2.10	Máy thổi gió đeo vai	Cái	50
2.11	Máy thổi gió cầm tay	Cái	50
2.12	Hệ thống loa máy tuyên truyền (amly, mixer, loa, micro)	Bộ	11
2.13	Nhà bạt di động	Cái	26
2.14	Bộ đàm cầm tay	Cái	48
2.15	Máy phun nước đeo vai	Cái	30
2.16	Máy vi tính để bàn cấu hình cao	Bộ	20
2.17	Máy vi tính xách tay cấu hình cao	Bộ	11
2.18	Ống nhòm quan sát cháy rừng ban đêm	Cái	20
2.19	Tủ đông	Cái	9
2.20	Bể chứa nước di động PCCCR (bằng inox hoặc nhựa cứng)	Cái	34
2.21	Máy đo độ cao điểm cháy bằng laze	Cái	20
2.22	Máy tính bảng cấu hình cao	Cái	40
2.23	Ống nhòm quan sát cháy rừng ban ngày	Cái	20
2.24	Ống nhòm đo khoảng cách	Cái	20
2.25	Máy đo nhanh trữ lượng rừng	Cái	5
2.26	Hệ thống ghi âm, ghi hình có âm thanh	Bộ	9
2.27	Máy Scan 2 mặt	Cái	11
2.28	Bình chữa cháy đeo vai có động cơ	Cái	20
II	**Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản**		
1	Tủ hút khí độc không đường ống	Cái	1
2	Máy ly tâm để bàn	Cái	1
3	Bể rửa siêu âm	Cái	1
4	Máy gia nhiệt khô	Cái	1
5	Máy PCR thường	Cái	1
6	Bộ điện di + phụ kiện	Bộ	1
7	Máy ly tâm lạnh	Cái	1
8	Bàn đọc UV	Cái	1
9	Máy lắc ống nghiệm	Cái	1
10	Máy cất nước 2 lần	Cái	1
11	Nồi hấp tiệt trùng	Cái	1
12	Tủ sấy dụng cụ	Bộ	1
13	Buồng cấy vi khuẩn	Bộ	1
14	Máy xét nghiệm để phát hiện các yếu tố gây bệnh		1
15	Thiết bị phân tích môi trường	Bộ	1
16	Kính hiển vi	Cái	1
17	Máy đếm khuẩn lạc	Cái	1
18	Tủ ấm nuôi cấy vi sinh	Bộ	1

STT	Chủng loại / Tên cơ quan, đơn vị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
19	Máy đo PH để bàn	Cái	1
20	Máy khuấy từ gia nhiệt	Cái	1
21	Máy dập mẫu vi sinh	Cái	1
22	Kính hiển vi soi nổi	Cái	1
23	Máy đổ Paraphine	Cái	1
24	Cân kỹ thuật	Cái	1
25	Tủ lạnh dùng bảo quản mẫu sử dụng liên tục	Cái	1
26	Tủ mát dùng để bảo quản hóa chất xét nghiệm mẫu	Cái	1
III	**Ban Quản lý Cảng Cá**		
1	Máy chữa cháy	Cái	4
2	Cân điện tử 80 tấn	Cân	2
3	Ống nhòm	Cái	4
4	Máy phun khử khuẩn	Cái	2
5	Máy vô tuyến điện; tầm liên lạc1.000km	Cái	2
6	Máy bộ đàm 5W cầm tay	Cái	10
7	Máy phát điện dự phòng	Cái	2
8	Hệ thống màn hình LED	Hệ thống	2
9	Hệ thông loa máy tuyên truyên (amly, mixer, loa, micro)	Hệ thống	2
10	Máy vi tính để bàn cấu hình cao	Bộ	12
11	Máy vi tính xách tay cấu hình cao	Bộ	5
12	Bơm nước ngầm	Cái	10
IV	**Chi cục Thủy sản**		
1	Máy siêu âm đo độ dày tôn vỏ	Cái	1
2	Thiết bị đo tốc độ vòng quay testo	Cái	1
3	Đồng hồ đo vòng tua máy kiểu cơ hoặc kiểu từ	Cái	1
4	Pame đo ngoài	Cái	1
5	Pame đo trong	Cái	1
6	Máy đo quang phổi (phân tích nước)	Cái	1
7	Máy PCR cầm tay Pockit micro Plus	Cái	1
8	Máy thông tin liên lạc định vị tầm xa	Cái	1
9	Màn hình phục vụ thiết bị giám sát hành trình	Cái	1
10	Ra đa 48 hải lý JRC	Cái	1
11	Máy phát điện 3 pha	Cái	1
12	Máy định vị JRC màu	Cái	1
13	Máy thông tin VHF 20W	Cái	1
14	Máy định vị cầm tay GPS	Cái	2
15	Tủ lạnh bảo quản mẫu	Cái	1
16	Trạm bờ thông tin liên lạc	Trạm	1
V	**Ban Quản lý rừng phòng hộ Hướng Hóa - Đakrông**		

STT	Tên cơ quan, đơn vị / Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
1	Máy thổi gió đeo vai hoặc cầm tay	Cái	16
2	Máy cắt thực bì	Cái	10
3	Máy cưa xăng mini	Cái	5
4	Máy định vị GPS cầm tay	Cái	20
5	Bảo hộ chữa cháy	Bộ	29
6	Ống nhòm	Cái	10
7	Máy bơm chữa cháy	Cái	2
8	Cuộn vòi chữa cháy	Cuộn	6
9	Bình chữa cháy đeo vai có động cơ	Cái	10
10	Ống nhòm hồng ngoại ban đêm	Cái	5
11	Máy quay phim	Cái	2
12	Máy bẫy ảnh	Cái	20
13	Bình xịt ô xy	Bình	1
14	Trạm phát sóng + Bộ đàm	Trạm	1
15	Bộ Flycam	Bộ	2
16	Bộ loa máy tuyên truyền bảo vệ rừng	Bộ	2
17	Máy vi tính xách tay cấu hình cao	Cái	5
18	Máy in bản đồ màu, khổ giấy A0	Cái	1
VI	**Ban Quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải**		
1	Máy thổi gió đeo vai hoặc cầm tay	Cái	10
2	Máy cắt thực bì	Cái	10
3	Máy cưa xăng mini	Cái	5
4	Máy định vị GPS cầm tay	Cái	20
5	Bảo hộ chữa cháy	Bộ	28
6	Ống nhòm	Cái	10
7	Máy bơm chữa cháy	Cái	2
8	Cuộn vòi chữa cháy	Cuộn	6
9	Bình chữa cháy đeo vai có động cơ	Cái	10
10	Ống nhòm hồng ngoại ban đêm	Cái	5
11	Máy quay phim	Cái	2
12	Máy bẫy ảnh	Cái	10
13	Bình xịt ô xy	Bình	1
14	Trạm phát sóng + Bộ đàm	Trạm	2
15	Bộ Flycam	Bộ	2
16	Bộ loa máy tuyên truyền bảo vệ rừng	Bộ	2
17	Máy vi tính xách tay cấu hình cao	Cái	5
18	Máy in bản đồ màu, khổ giấy A0	Cái	1
VII	**Ban Quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Thạch Hãn**		
1	Máy thổi gió đeo vai hoặc cầm tay	Cái	10

STT	Chủng loại \ Tên cơ quan, đơn vị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
2	Máy cắt thực bì	Cái	6
3	Máy cưa xăng mini	Cái	4
4	Máy định vị GPS cầm tay	Cái	6
5	Bảo hộ chữa cháy	Bộ	20
6	Ống nhòm	Cái	10
7	Máy bơm chữa cháy	Cái	2
8	Cuộn vòi chữa cháy	Cuộn	6
9	Bình chữa cháy đeo vai có động cơ	Cái	10
10	Ống nhòm hồng ngoại ban đêm	Cái	4
12	Máy quay phim	Cái	2
13	Máy bẫy ảnh	Cái	2
15	Bình xịt ô xy	Bình	4
16	Trạm phát sóng + Bộ đàm	Trạm	2
17	Bộ Flycam	Bộ	2
18	Bộ loa máy tuyên truyền bảo vệ rừng	Bộ	2
19	Máy vi tính xách tay cấu hình cao	Cái	5
20	Máy in bản đồ màu, khổ giấy A0	Cái	1
VIII	**Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Hướng Hóa**		
1	Trạm phát sóng + bộ đàm	Trạm	1
2	Máy thổi gió	Cái	5
3	Máy cắt thực bì	Cái	5
4	Máy cưa xăng	Cái	5
5	Máy định vị GPS cầm tay	Cái	28
6	Ống nhòm	Cái	5
7	Máy bơm nước	Cái	5
8	Cuộn vòi chữa cháy	Cuộn	5
9	Ống nhòm hồng ngoại ban đêm	Cái	5
10	Máy bẫy ảnh	Cái	50
11	Bình xịt ô xi	Bình	1
12	Máy ghi âm tiếng động vật	Cái	20
13	Máy vi tính xách tay cấu hình cao	Cái	2
14	Bộ Flycam	Bộ	2
15	Máy quay phim	Cái	2
16	Máy nổ phát điện	Cái	3
17	Bộ loa máy tuyên truyền bảo vệ rừng	Bộ	3
18	Tủ đựng tiêu bản động thực vật	Cái	10
19	Lán trại lắp ghép	Cái	10
20	Tủ lạnh lưu trữ mẫu động thực vật	Cái	1
21	Máy in bản đồ màu, khổ giấy A0	Cái	1
IX	**Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông**		

STT	Chủng loại \ Tên cơ quan, đơn vị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
1	Trạm phát sóng + bộ đàm	Trạm	1
2	Máy thổi gió đeo vai	Cái	5
3	Máy cắt thực bì	Cái	5
4	Máy cưa xăng	Cái	5
5	Máy định vị	Cái	28
6	Bảo hộ chữa cháy	Bộ	30
7	Ống nhòm	Cái	5
8	Máy bơm nước	Cái	5
9	Cuộn vòi chữa cháy	Cuộn	5
10	Ống nhòm hồng ngoại ban đêm	Cái	5
11	Máy bẫy ảnh	Cái	50
12	Bình xịt ô xi	Bình	1
13	Máy ghi âm tiếng động vật	Cái	20
14	Máy vi tính xách tay cấu hình cao	Cái	2
15	Bộ Flycam	Bộ	2
16	Máy quay phim	Cái	2
17	Máy nổ phát điện	Cái	3
18	Bộ loa máy tuyên truyền bảo vệ rừng	Bộ	3
19	Tủ đựng tiêu bản động, thực vật	Cái	10
20	Lán trại lắp ghép	Cái	17
21	Tủ lạnh lưu trữ mẫu động, thực vật	Cái	1
22	Máy in bản đồ màu, khổ giấy A0	Cái	1
X	**Chi cục trồng trọt và BVTV**		
1	Hệ thống bẫy côn trùng	Hệ thống	8
2	Kính hiển vi kết nối máy tính	Cái	1
3	Hệ thống giám sát sâu rầy thông minh	Cái	8
4	Kính lúp điện tử cầm tay	Cái	9
5	Kính lúp soi nổi có chụp ảnh + kết nối máy tính	Cái	9
6	Tủ lưu, bảo quản mẫu	Cái	1
7	Máy đo PH cầm tay	Cái	1
8	Bộ dụng cụ lấy mẫu đất	Bộ	1
9	Máy đo hàm lượng NPK trong đất, độ PH, độ ẩm	Cái	1
10	Máy định vị GPS	Cái	9
XI	**Ban quản lý Khu bảo tồn biển đảo Cồn Cỏ**		
1	Máy in đa chức năng cấu hình cao	Cái	1
2	Máy quay phim, chụp ảnh dưới nước	Bộ	2
3	Đồng hồ đo độ sâu tích hợp la bàn dưới nước	Cái	4
4	Cụm thở cho thợ lặn	Bộ	4
5	Bộ ống thở, chân nhái, Đai chì, dao lặn, Kéo lặn, Bảng, bút ghi chú dưới nước cho thợ lặn	Bộ	4
6	Đèn Pin cho thợ lặn dùng dưới nước	Cái	4
7	Túi khí nâng vật dưới nước lên mặt nước	Túi	4

STT	Chủng loại / Tên cơ quan, đơn vị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
8	Phao khí Cảnh báo tàu thuyền đang có thợ lặn dưới khu vực cảnh báo	Túi phao	2
9	Máy Nén khí	Máy	1
10	Bình khí	Bình	10
11	Tủ đông bảo quản mẫu vật	Cái	1

Phụ lục XI

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 27 /2023/QĐ-UBND ngày 20 / 11 /2023 của UBND tỉnh Quảng Trị)

STT	Chủng loại \ Tên cơ quan, đơn vị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
I	**Văn phòng Sở**		
1	Máy quay phim	Cái	1
2	Máy đo cường độ âm thanh, đo độ ồn	Cái	1
3	Máy đo cường độ ánh sáng	Cái	1
4	Thiết bị ghi hình	Cái	1
5	Thiết bị đo độ PH	Cái	1
6	Thiết bị đo nước thải	Cái	1
7	Thiết bị đo độ bụi không khí	Cái	1
8	Máy in xách tay	Cái	1
II	**Đoàn nghệ thuật tỉnh**		
1	Âm ly các loại	Cái	24
2	Đèn các loại (đèn kỷ xảo, đèn đổi màu, đèn chớp)	Cái	50
3	Micro các loại	Cái	80
4	Loa âm thanh các loại	Cái	54
5	Mixer cho âm thanh	Cái	2
6	Digital Controller DSp48	Cái	2
7	Effect YAMAHA SPX 2000	Cái	2
8	Máy tính xách tay dùng cho chuyên môn	Cái	4
9	Đàn Organ	Cái	2
10	Đàn Piano điện	Cái	2
11	Trống gỗ	Cái	3
12	Guitar	Cái	4
13	Đầu đĩa	Cái	8
14	Equalizer	Cái	6
15	Chân đèn vuông 60 + chống	Bộ	4
16	Bộ trộn âm thanh kỹ thuật số	Cái	2
17	Hộp khuếch đại	Cái	2
18	Chân tời loa	Cái	4
19	Bộ xử lý tín hiệu	Cái	4
20	Bộ công suất đèn	Bộ	2
21	Máy tạo khói	Cái	6
22	Echo	Cái	4
23	Micro thu âm	Bộ	4
24	Bàn điều khiển ánh sáng (đèn)	Cái	10
III	**Trung Tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục thể thao tỉnh**		
1	Máy quay phim	Cái	1

STT	Chủng loại / Tên cơ quan, đơn vị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
2	Máy định vị GPS	Cái	1
3	Máy hút vệ sinh đáy bể	Cái	1
4	Thuyền đôi Rowing	Chiếc	4
5	Thuyền đơn Rowing	Chiếc	6
6	Máy tập chèo trong nhà	Cái	8
7	Mái chèo Rowing	Đôi	10
8	Bộ âm thanh loa máy	Bộ	1
9	Sàn tập môn cử tạ	Cái	1
10	Con nôm đô vật	Cái	5
11	Robot vệ sinh đáy bể	Cái	2
IV	**Trung Tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh**		
1	Âm ly các loại	Cái	14
2	Loa các loại	Cái	56
3	Mixer các loại	Bộ	3
4	Tăng âm các loại	Cái	2
5	Đàn organ	Cái	2
6	Micro cầm tay	Cái	45
7	Equalizer	Bộ	4
8	Máy quay phim	Cái	3
9	Hệ thống dàn thưa và cơ khí phong màn	Hệ thống	1
10	Đèn pha sân khấu	Cái	100
11	Đèn chiếu khán giả	Cái	6
12	Đèn fresnel toar	Cái	12
13	Đèn moving head	Cái	30
14	Đèn robocolor wash	Cái	14
15	Đèn chớp light strobe	Cái	2
16	Đèn follow 1500w	Cái	2
17	Máy hun khói tự động	Cái	2
18	Bàn điều khiển mixer cho đèn pa	Cái	1
19	Công suất đèn par	Bộ	6
20	Bộ chia tín hiệu	Bộ	2
21	Khung treo đèn tam giác	Cái	6
22	Khung vuông treo đèn 2 bên cánh gà	Cái	2
23	Moter điều khiển dàn khung as, Bộ giảm tốc.	Bộ	6
24	Cáp kéo khung treo đèn tam giác	Mét	24
25	Bộ điều khiển tín hiệu đèn	Bộ	1
26	Móc treo đèn	Cái	86
27	Jack điện cho đèn loại 3 chấu	Cái	100
28	Jack dmx cho hộp dmx 2 lỗ	Cái	1
29	Tủ máy cho Bộ công suất có bánh xe	Cái	2
30	Bộ ty 300/5a	Bộ	1
31	Gỗ phíp cách điện 10mm	Cái	1
32	Tủ điện tổng	Cái	1
33	Tủ máy	Cái	1
34	Khung treo đèn inox	Cái	4

STT	Chủng loại / Tên cơ quan, đơn vị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
35	Ống nhựa bảo vệ cáp điện d40-sp	mét	100
36	Móc treo sào đèn trên sân khấu loại to	Cái	24
37	Đèn chiếu sáng cục Bộ cho bàn điều khiển	Cái	1
38	Pát treo đèn khán giả	Cái	6
39	Tủ đựng mixer điều khiển đèn	Cái	1
40	Tủ đựng đèn moving heat	Cái	8
41	Bộ chia tần số	Bộ	2
42	Khối điều khiển trung tâm toa model	khối	1
43	Hộp đại biểu micro toa model	Cái	21
44	Cần micro toa model	Cái	21
45	Bộ quad mic pre ampli tube với 8 ngõ	Bộ	1
46	Digital effect	Bộ	2
47	Headphone kiểmtra	Bộ	1
48	Máy COPY dĩa Plextor	Bộ	1
49	Máy chiếu phim âm thanh lập thể	Bộ	1
50	Máy phát điện	Cái	1
51	Bộ đọc tiếng đèn laze máy chiếu LĐ (01)	Bộ	1
52	Bộ máy 3D	Bộ	1
53	Bộ phân cực 3D	cái	1
54	Đầu công suất tăng âm	caí	1
55	Bộ đèn sân khấu	Bộ	1
56	Đầu đẩy công suất	Cái	2
57	Máy tính xách tay	Cái	2
58	Màn ảnh chiếu phim lưu động	Cái	2
59	Bộ chống sét tại Rạp	Bộ	1
60	Đầu phát HD	Cái	1
61	Máy tăng âm	Cái	1
62	Máy nổ phát điện	Cái	1

Phụ lục XIII

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 27 /2023/QĐ-UBND ngày 20 /11 /2023 của UBND tỉnh Quảng Trị)

STT	Tên cơ quan, đơn vị / Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
I	**Văn phòng Sở**		
1	Bộ thiết bị thử nghiệm an toàn điện	Bộ	1
2	Bộ thiết bị kiểm tra công tơ điện cầm tay	Bộ	1
3	Bộ thiết bị kiểm tra chỉ số Octane xăng	Bộ	1
II	**Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng**		
1	Pipet chuẩn dung tích hạng I	Bộ	1
2	Taximet	Bộ	1
3	Máy đo phóng xạ điện tử hiện số	Cái	1
4	Hộp điện trở mẫu	Cái	1
5	Thiết bị hiệu chuẩn nhiệt độ thấp	Cái	1
6	Thiết bị đo nhiệt độ đối chứng	Cái	1
7	Bộ bàn kiểm công tơ điện 3 pha	Cái	1
8	Thiết bị kiểm định X Quang	Cái	1
9	Cân điện tử	Cái	1
10	Tủ chống ẩm	Cái	1
11	Bộ TB Kiểm tra khả năng tách khí của cột đo xăng dầu.	Cái	1
12	Bàn kiểm tự động kỹ thuật số công tơ 1 pha 20 vị trí	Cái	1
13	Máy đo liều phóng xạ anpha, beta, gamma và tia X dùng buồng inon hóa	Cái	1
14	Bộ quả cân chuẩn M1	Cái	1
15	Chuẩn dùng để kiểm định phương tiện đo điện tim	Cái	1
16	Thiết bị dùng để nhận dạng IC chương trình cột đo xăng dầu	Cái	1
17	Thiết bị huỳnh quang tia X lưu động kiểm tra tuổi vàng, bạc	Cái	1
18	Bộ mẫu chuẩn vàng	Cái	1
19	Bình chuẩn dung tích hạng 2	Bộ	1
20	Bộ quả cân chuẩn F2, F1	Bộ	1
21	Bộ kiểm định đồng hồ nước lưu động	Bộ	1
22	Bộ phantom chuẩn kiểm tra chất lượng hình ảnh máy chụp CT	Bộ	1
23	Bộ Phantom chuẩn và phụ kiện cho kiểm tra máy X.Quang tăng sáng truyền hình.	Bộ	1
24	Thiết bị khảo sát phóng xạ đa năng	Cái	1

STT	Chủng loại / Tên cơ quan, đơn vị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
25	Thiết bị chuẩn kiểm định phương tiện đo điện não	Cái	1
26	Thiết bị chuẩn kiểm định phương tiện đo tiêu cự kính mắt	Cái	1
27	Hệ thống thiết bị kiểm định phương tiện đo nồng độ khí thải xe cơ giới	Cái	1
28	Thiết bị kiểm định phương tiện đo nồng độ cồn trong hơi thở	Cái	1
29	Thiết bị kiểm định công tơ điện xoay chiều 3 pha kiểu điện tử 06 vị trí	Cái	1
30	Thiết bị kiểm định đồng hồ đo nước lạnh 20 vị trí tích hợp bộ điều khiển mức nước tự động	Cái	1
31	Thiết bị kiểm định/hiệu chuẩn cho nhiệt kế y học (thủy ngân - thủy tinh)	Cái	1
32	Thiết bị đo RLC	Cái	1
33	Lực kéo đẩy	Cái	1
34	Kìm dòng 500A	Cái	1
35	Máy đo nhiệt độ tự ghi	Cái	1
36	Đồng hồ đo thời gian	Cái	1
37	Búa thử va đập	Cái	1
38	Bàn xoay thử IPX1	Cái	1
39	Giá đỡ nghiêng để thử IPX2	Cái	1
40	Vòi phun thử	Cái	1
41	Thiết bị thử bẻ gập dây nguồn	Cái	1
42	Thiết bị thử	Cái	1
43	Thiết bị thử tính mềm dẻo của cáp	Cái	1
44	Bộ thiết bị đo khoản hở không khí và chiều dài đường rò	Cái	1
45	Thiết bị thử nghiện sợi dây nóng đỏ	Cái	1
46	Máy biến áp điều chỉnh vô cấp 3 pha kiểu cách ly	Cái	1
47	Máy biến dòng điều chỉnh vô cấp 3 pha kiểu cách ly	Cái	1
48	Buồng thử bụi	Cái	1
49	Kìm dòng	Cái	1
50	Tải Điện trở	Cái	1
51	Thiết bị đo dòng rò	Cái	1
52	Bộ đầu dò	Cái	1
53	Tủ môi trường	Cái	1
54	Máy phân tích công suất	Cái	1
55	Bể khống chế nhiệt độ	Cái	1
56	Tủ khống chế nhiệt độ	Cái	1
57	Bộ thử xung	Cái	1
58	Cầu đo điện trở	Cái	1
59	Thiết bị luyện bóng đèn	Cái	1

STT	Chủng loại \ Tên cơ quan, đơn vị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
60	Thiết bị thử bức xạ, độc hại của lò vi sóng, lò vi sóng kết hợp	Cái	1
61	Thiết bị thử quy định nối đất của các loại thiết bị điện - điện tử	Cái	1
62	Tủ sấy; Tủ sấy đối lưu tự nhiên	Cái	1
63	Kính hiển vi	Cái	1
64	(Tủ) Thiết bị	Cái	1
65	Máy lắc No	Cái	1
66	Thiết bị thu mẫu không khí	Cái	1
67	Tủ lạnh sâu	Cái	1
68	Tủ ấm	Cái	1
69	Box - Laminar	Cái	1
70	Kính hiển vi	Cái	1
71	Tủ hút khí độc	Cái	1
72	Lò nung	Cái	1
73	Hệ thống máy quang phổ hấp thụ nguyên tử	Cái	1
74	Lò Graphite	Cái	1
75	Bộ Chiết chất béo	Cái	1
76	Bộ chưng cất đạm	Cái	1
77	Máy cất nước hai lần	Cái	1
78	Bộ lấy mẫu bụi khí	Cái	1
79	Tủ an toàn sinh học cấp II	Cái	1
80	Thiết bị đo tiếng ồn	Cái	1
81	Thiết bị phá mẫu COD	Cái	1
82	Nồi hấp tiệt trùng	Cái	2
83	Máy Quang phổ khả kiến	Cái	1
84	Máy đo độ đục cầm tay	Cái	1
85	Máy lắc ngang	Cái	1
86	Máy đo PH	Cái	1
87	Thiết bị phá mẫu bằng vi sóng	Cái	1
88	Hệ thống sắc ký lỏng	Cái	1
89	Máy cắt hai tốc độ	Cái	1
90	Máy nén cơ học đất tam liên;	Cái	1
91	Máy siêu âm kiểm tra bê tông	Cái	1
92	Hệ thống thử lực uốn đầu cột điện	Cái	1
93	Máy nén	Cái	1
94	Máy siêu âm	Cái	1
95	Máy khoan lấy mẫu	Cái	1
96	Tủ dưỡng ẩm	Cái	1
97	Tủ sấy	Cái	1
98	Máy kéo vạn năng	Cái	1
99	Máy đo điện trở tiếp đất	Cái	1
100	Máy thử mài mòn	Cái	1

STT	Tên cơ quan, đơn vị / Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
101	Panme điện tử đo ngoài	Cái	1
102	Máy phun áp lực	Cái	1
103	Bộ thiết bị thử nghiệm nén ống cống 3 cạnh	Cái	1
104	Thiết bị kiểm tra độ bền quai đeo của mũ bảo hiểm	Cái	1
105	Bộ dạng đầu chuẩn cho các cỡ mũ khác nhau sử dụng cho máy thử độ bền quai đeo	Cái	1
106	Thiết bị kiểm tra đặc tính cơ học của kính chắn gió	Cái	1
107	Bộ dạng đầu chuẩn cho các cỡ mũ khác nhau sử dụng cho máy thử độ đặc tính cơ học kính chắn gió	Cái	1
108	Thiết bị kiểm tra hệ số truyền sáng của kính chắn gió của mũ bảo hiểm	Cái	1
109	Thiết bị kiểm tra độ ổn định mũ	Cái	1
110	Bộ dạng đầu chuẩn chuyển đổi các cỡ mũ khác nhau sử dụng cho máy thử độ ổn định mũ và thiết bị đo góc nhìn	Cái	1
111	Bộ thiết bị tạo và thử nghiệm lực kéo nén điện tử	Cái	1
112	Bộ dụng cụ thử các phần nhỏ, hình dạng kích cỡ và thử chi tiết nhỏ nguy hiểm khác.	Cái	1
113	Dụng cụ dò có khớp nối.	Cái	1
114	Thiết bị thử độ sắc cạnh; Thiết bị thử đầu nhọn	Cái	2
115	Thiết bị xác định độ dầy của màng nhựa và tấm nhựa	Cái	1
116	Thiết bị thử độ dầy của dây;	Cái	1
117	Dụng cụ thử dây kéo tự co	Cái	1
118	Thiết kiểm tra điện trở dây	Cái	1
119	Thiết bị thử độ bền nắp tủ đồ chơi; Thiết bị thử va đập của đồ chơi che mặt	Cái	2
120	Thiết bị kiểm tra vận tốc của vật phóng	Cái	1
121	Thiết bị xác định sự rò rỉ của đồ chơi có chứa chất lỏng	Cái	1
122	Thiết bị thử độ bền thổi; Thiết bị thử va đập rơi	Cái	2
123	Bộ thiết bị và dụng cụ thử âm	Cái	1
124	Thiết bị thử tốc độ lan truyền của ngọn lửa theo phương thẳng đứng	Cái	1
125	Thiết bị thử độ bền va đập và hấp thụ xung động mũ bảo hiểm; Hệ thống TB mũ BH- TB độ bền đâm xuyên cho mũ bảo hiểm;	Cái	1
126	Thiết bị thử độ bền đâm xuyên cho mũ bảo hiểm	Cái	1
III	**Trung tâm Nghiên cứu, Chuyển giao công nghệ và Đổi mới sáng tạo**		
1	Bàn thí nghiệm	Cái	10
2	Bể rửa siêu âm	Cái	10
3	Block gia nhiệt kỹ thuật số	Cái	4
4	Buồng thao tác	Cái	2

STT	Tên cơ quan, đơn vị / Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
5	Cân kỹ thuật điện tử, Cân phân tích	Cái	10
6	Cối nghiền lá dược liệu,	Cái	2
7	Hệ thống chiết xuất cô đặc chân không	Hệ thống	5
8	Hệ thống điện, Hệ thống điện di	Hệ thống	2
9	Hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái	Hệ thống	1
10	Hệ thống điều khiển	Hệ thống	3
11	Hệ thống đông khô	Hệ thống	1
12	Hệ thống đường ống cung cấp hơi	Hệ thống	3
13	Hệ thống lên men tự động	Hệ thống	3
14	Hệ thống lò hơi	Hệ thống	3
15	Hệ thống ly tâm	Hệ thống	3
16	Hệ thống nuôi cấy ngập chìm tạm thời	Hệ thống	4
17	Hệ thống phun sương	Hệ thống	4
18	Hệ thống Real Time PCR	Hệ thống	2
19	Hệ thống sấy bơm nhiệt	Hệ thống	2
20	Hệ thống tưới nhỏ giọt	Hệ thống	5
21	Hệ thống xét nghiệm	Hệ thống	1
22	Hệ thống xử lý làm mềm nước	Hệ thống	2
23	Hệ thống lên men tự động	Hệ thống	3
24	Kính hiển vi	Cái	2
25	Lò hấp	Cái	2
26	Lò sấy các loại	Cái	5
27	Máy cắt dược liệu	Cái	3
28	Máy cất nước	Cái	2
29	Máy chủ	Cái	2
30	Máy dán bao bì sản phẩm	Cái	3
31	Máy đánh bông	Cái	1
32	Máy dập mẫu	Cái	2
33	Máy đếm khuẩn lạc	Cái	1
34	Máy đo cường độ ánh sáng	Cái	1
35	Máy đo pH	Cái	3
36	Máy đóng gói	Cái	5
37	Máy hút ẩm	Cái	15
38	Máy hút chân không	Cái	5
39	Máy khâu và dán bao gói sản phẩm	Cái	5
40	Máy khuấy từ	Cái	2
41	Máy lắc các loại	Cái	5
42	Máy lọc rượu	Cái	1
43	Máy lọc trong	Cái	2
44	Máy ly tâm	Cái	3
45	Máy nâng hạ	Cái	1
46	Máy nén khí	Cái	1
47	Máy nghiền các loại	Cái	5

STT	Chủng loại \ Tên cơ quan, đơn vị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
48	Máy Nhân Gen (PCR)	Cái	1
49	Máy phun sương các loại	Cái	10
50	Máy quang phổ	Cái	1
51	Máy Quay phim chuyên dụng	Cái	1
52	Máy rửa các loại	Cái	3
53	Máy điều hòa công nghiệp chuyên dụng (hệ thống nhà lưới)	Cái	10
54	Máy sàng nguyên liệu các loại	Cái	3
55	Máy trộn nguyên liệu các loại	Cái	5
56	Máy sấy các loại	Cái	5
57	Máy Spindown	Cái	1
58	Máy tạo ozone	Cái	1
59	Máy thái đa năng	Cái	1
60	Máy vi tính cấu hình lớn dùng đê dựng phim	Cái	1
61	Máy xay giò	Cái	1
62	Nồi hấp các loại	Cái	5
63	Nồi hơi các loại	Cái	5
64	Nồi luộc thóc dùng hơi gián tiếp	Cái	1
65	Nồi thanh trùng	Cái	2
66	Pipette chuyên dụng	Cái	2
67	Tháp ngưng thu hồi cồn	Hệ thống	1
68	Thiết bị bảo mật	Hệ thống	1
69	Thiết bị khử trùng điện	Hệ thống	1
70	Thiết bị làm lạnh	Hệ thống	1
71	Thiết bị lên men	Hệ thống	1
72	Thiết bị phối trộn nguyên liệu	Cái	3
73	Tủ ấm các loại	Cái	5
74	Tủ an toàn sinh học	Cái	5
75	Tủ bảo ôn giống, tủ lạnh âm sâu	Cái	5
76	Tủ cấy các loại	Cái	10
77	Tủ đựng hóa chất	Cái	5
78	Tủ hút khí độc	Cái	1
79	Tủ nuôi lắc ổn nhiệt	Cái	1
80	Tủ sấy các loại	Cái	5
81	Máy vô nang	Cái	1
82	Đầu đốt dầu	Cái	1

Phụ lục XIV

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG TẠI THANH TRA TỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 27 /2023/QĐ-UBND ngày 20 / 11 /2023 của UBND tỉnh Quảng Trị)

STT	Tên cơ quan, đơn vị / Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
1	Panme đo ngoài điện tử hiện số	Bộ	2
2	Panme đo trong điện tử hiện số	Bộ	4
3	Thước cặp điện tử hiện số	Bộ	2
4	Thiết bị đo khoảng cách laser	Bộ	2
5	Máy đo độ dày bê tông	Bộ	2
6	Máy đo độ cao	Bộ	2
7	Máy khoan lấy mẫu bê tông hiện trường và máy tạo nguồn điện	Bộ	2
8	Máy siêu âm bê tông	Bộ	2
9	Súng bắn bê tông	Bộ	2
10	Máy ly tâm tách nhựa	Bộ	2
11	Bộ thiết bị xác định đường kính cốt thép trong bê tông	Bộ	2

Phụ lục XV

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 27 /2023/QĐ-UBND ngày 20 / 11 /2023 của UBND tỉnh Quảng Trị)

STT	Tên cơ quan, đơn vị / Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
	Văn phòng Ban quản lý Khu kinh tế		
1	Máy hủy tài liệu lớn	Cái	1

Phụ lục XVI

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG TẠI ĐÀI PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH TỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 27 /2023/QĐ-UBND ngày 20 / 11 /2023 của UBND tỉnh Quảng Trị)

STT	Tên cơ quan, đơn vị / Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
1	Hệ thống máy chủ sever sản xuất chương trình và phần mềm chuyên dùng	Hệ thống	4
2	Hệ thống máy chủ server chuyên dùng phát sóng và phần mềm chuyên dùng	Hệ thống	4
3	Hệ thống sever lưu trữ trung tâm và phần mềm chuyên dùng	Hệ thống	2
4	Hệ thống máy chủ ảo hóa và phần mềm chuyên dùng	Hệ thống	4
5	Ổ cứng máy chủ lưu trữ dữ liệu	Chiếc	350
6	Máy tính sản xuất chương trình và phần mềm chuyên dùng	Bộ	66
7	Máy tính phát sóng và phần mềm chuyên dùng	Bộ	15
8	Máy tính trạm ảo hóa	Bộ	50
9	Máy tính xách tay cấu hình cao dựng chương trình lưu động	Chiếc	20
10	Máy tính bảng kiểm duyệt chương trình lưu động	Cái	15
11	Màn hình máy vi tính dựng, kiểm duyệt chương trình	Chiếc	18
12	Bộ Camera phim trường, xe truyền hình lưu động và phụ kiện	Bộ	21
13	Camera quay phim lưu động và phụ kiện đồng bộ	Bộ	45
14	Pin Camera, Bộ sạc	Cái	90
15	Thẻ nhớ camera	Cái	90
16	Thiết bị đọc thẻ nhớ	bộ	25
17	Chân camera	Cái	45
18	Micro phỏng vấn	Cái	90
19	Đèn cho camera	Cái	60
20	Áo che mưa cho camera	Cái	45
21	Flycam chuyên dụng	Bộ	4
22	Cẩu camera phim trường	Bộ	4
23	Bộ ray camera chuyên dùng	Bộ	4
24	Máy ảnh có quay phim chuyên dụng và phụ kiện theo máy	Bộ	4
25	Ống kính máy ảnh chuyên dùng các loại	Bộ	8
26	Bộ chống rung cầm tay RONIN cho máy quay	Bộ	4
27	Hệ thống thiết bị trường quay ảo đa hệ	Hệ thống	4

STT	Chủng loại \ Tên cơ quan, đơn vị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
28	Bộ nhắc lời	Bộ	6
29	Hệ thống đa màn hình kiểm tra tín hiệu hình tiếng	Hệ thống	10
30	Monitor chuyên dùng kiểm tra tín hiệu hình tiếng	Chiếc	20
31	Màn hình tivi chuyên dùng kiểm tra sóng	Chiếc	35
32	Hệ thống thiết bị màn hình LCD cho các trường quay	Hệ thống	10
33	Hệ thống thiết bị màn hình Led cho trường quay	Hệ thống	7
34	Bàn mixer hình chuyên dụng	Cái	15
35	Bàn Mixer âm thanh chuyên dụng	Bộ	40
36	Bộ thiết bị làm chậm	Bộ	5
37	Bộ thu - phát tín hiệu truyền hình trực tiếp không dây và phần mềm	Bộ	10
38	Bộ truyền tín hiệu có dây video, audio	Bộ	15
39	Hệ thống liên lạc intercom và phụ kiện	Hệ thống	10
40	Bộ đàm liên lạc cầm tay	Chiếc	40
41	Hệ thống micro cầm tay	Hệ thống	30
42	Hệ thống micro cài áo	Hệ thống	20
43	Loa kiểm thính chương trình chuyên dụng	Bộ	40
44	Tai nghe kiểm thính chuyên dụng	Chiếc	30
45	Radio kiểm tra sóng	Chiếc	5
46	Bộ switch chuyển mạch	Bộ	48
47	Hệ thống thiết bị phần cứng và phần mềm quản lý MAM	Hệ thống	1
48	Hệ thống máy phát sóng FM	Hệ thống	3
49	Bộ đầu thu tín hiệu vệ tinh	Bộ	8
50	Điều hòa làm mát phòng máy công suất lớn	Hệ thống	25
51	Điều hòa làm mát phòng máy công suất nhỏ	Hệ thống	30
52	Máy ghi âm	Cái	25
53	Bộ khếch đại và chia tín hiệu chuẩn SDI	Bộ	30
54	Bộ chuyển đổi tín hiệu SDI sang HDMI chuẩn HD, 4K	Bộ	20
55	Bộ chuyển đổi tín hiệu HDMI sang SDI chuẩn HD, 4K	Bộ	20
56	Bộ tách ghép hình, tiếng chuyên dụng	Bộ	20
57	Hộp Panel đấu nối	Bộ	30
58	Máy phát điện dự phòng	Bộ	6
59	Bo kết nối, chuyển đổi quang	Bộ	100
60	Hệ thống âm thanh công suất lớn cho trường quay	Hệ thống	7
61	Thiết bị kiểm tra âm thanh	Bộ	7
62	Thiết bị xử lý tín hiệu âm thanh	Bộ	7
63	Loa công suất lớn	Bộ	42
64	Thiết bị khuyếch đại âm thanh	Bộ	7
65	Hệ thống dàn đèn chuyên dùng cho trường quay	Hệ thống	7

Phụ lục XVII

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG TẠI BÁO QUẢNG TRỊ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 27 /2023/QĐ-UBND ngày 20 / 11 /2023 của UBND tỉnh Quảng Trị)

STT	Tên cơ quan, đơn vị / Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
1	Máy tính để bàn cấu hình cao	Bộ	3

Phụ lục XVIII

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG TẠI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 27 /2023/QĐ-UBND ngày 20 / 11 /2023 của UBND tỉnh Quảng Trị)

STT	Tên cơ quan, đơn vị / Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
A	**UBND các huyện, thị xã, thành phố**		
I	**Trung tâm Văn hóa thông tin - Thể dục thể thao**		
1	Bộ dựng hình, bộ dựng phát thanh	Bộ	3
2	Máy tính chuyên dùng dựng âm thanh	Bộ	1
3	Hệ thống thu - truyền phát thanh trực tuyến	Hệ thống	1
4	Máy quay phim các loại	Bộ	5
5	Máy quay phim lưu động	Cái	2
6	Tháp Anten	Cái	1
7	Máy phát sóng FM	Cái	2
8	Hệ thống cột phát sóng tam giác	Bộ	1
9	Ổ cứng ngoài	Cái	4
10	Bộ dựng hình phi tuyến	Bộ	1
11	Thẻ nhớ các loại	Cái	6
12	Bộ phát mã điều khiển	Bộ	2
13	Máy tăng âm truyền hình	Cái	1
14	Khối công suất nguồn	Cái	1
15	Máy phát điện	Cái	1
16	Hệ thống Fi đơ, chấn tử phát sóng FM	Bộ	2
17	Micro các loại	Cái	10
18	Mixer các loại	Cái	3
19	Bộ âm thanh loa máy	Bộ	2
20	Cắt lọc sét	Cái	1
21	Đèn quay phim	Cái	5
22	Tai nghe kiểm thính	Cái	2
23	Máy điều hòa nhiệt độ (loại dùng liên tục cho phòng đặt thiết bị)	Cái	3
24	Bộ máy vi tính sản xuất chương trình	Bộ	3
25	Đầu dựng phim	Cái	1

STT	Tên cơ quan, đơn vị / Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
26	Máy phát sóng FM công suất 200W	Cái	4
27	Hệ thống IP thông minh	Hệ thống	1
II	**Trung tâm Phát triển cụm Công nghiệp - Khuyến công và Dịch vụ công ích**		
1	Máy đo điện trở đất - điện trở suất	Máy	1
III	**Trung tâm Môi trường đô thị**		
1	Máy ủi	Chiếc	3
2	Máy xúc	Chiếc	2
IV	**Phòng Văn hóa thông tin**		
1	Máy đo âm thanh	Cái	2
2	Máy đo ánh sáng	Cái	2
3	Máy vi tính dựng hình, dựng phát thanh	Bộ	2
4	Máy quay phim	Cái	2
5	Máy phát sóng FM	Cái	1
6	Bộ âm thanh loa máy	Bộ	1
V	**Phòng Tài nguyên và môi trường**		
1	Máy định vị cầm tay GPS	Cái	27
2	Máy GPS 2 tần số	Cái	1
3	Máy đo toàn đạc điện tử	Bộ	2
4	Máy đo tiếng ồn cầm tay chuyên dùng	Cái	27
5	Máy đo đa chỉ tiêu nguồn nước	Cái	1
6	Máy đo chất lượng không khí cầm tay	Bộ	2
7	Thiết bị đo nồng độ bụi	Cái	1
VI	**Phòng Kinh tế hạ tầng (áp dụng đối với các huyện)**		
1	Cân tải trọng lưu động	Cái	1
2	Súng bắn bê tông	Cái	1
3	Máy đo độ chặt của đất	Cái	1
4	Bánh xe đo chiều dài đường	Cái	1
5	Máy đo khoảng cách bằng Laser	Cái	1
6	Thước kẹp điện tử	Cái	1
7	Máy đo toàn đạc điện tử	Cái	1
8	Máy thủy bình	Cái	1
9	Máy phản quang	Cái	1
VII	**Phòng Tài chính - Kế hoạch**		

STT	Chủng loại / Tên cơ quan, đơn vị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
1	Hệ thống máy chủ và mạng nội bộ	Hệ thống	1
VIII	**Phòng Quản lý đô thị (áp dụng đối với các thành phố, thị xã)**		
1	Máy định vị GPS	Cái	1
2	Máy đo xa khoảng cách	Cái	1
3	Máy đo độ dày kim loại	Cái	1
4	Súng bắn bê tông	Cái	1
5	Máy quay phim	Cái	1
B	**UBND các xã, phường, thị trấn**		
1	Máy phát sóng FM	Bộ	2
2	Hệ thống truyền thanh không dây	Hệ thống	1
3	Đài FM	Bộ	2
4	Máy phát điện công suất lớn	Cái	1
5	Máy bơm phòng cháy chữa cháy cỡ lớn	Cái	1
6	Máy bơm phòng cháy chữa cháy cỡ nhỏ	Cái	1
7	Hệ thống thiết bị phòng họp trực tuyến	Hệ thống	1
8	Máy định vị GPS	Cái	1
9	Tủ lạnh lưu trữ mẫu	Cái	1